

Số: 5878/BC-SGDĐT

Cà Mau, ngày 07 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Cà Mau từ năm học 2025 - 2026

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025, Sở Giáo dục và Đào tạo tiến hành tổng kết việc thi hành Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Cà Mau từ năm học 2025 - 2026. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến dự thảo Nghị quyết

Giáo dục và đào tạo tiếp tục được xác định là quốc sách hàng đầu; bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục, giảm gánh nặng chi phí học tập cho người dân và thực hiện công bằng trong giáo dục là những nhiệm vụ quan trọng trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Ngày 26/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 217/2025/QH15 về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Ngày 03/9/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 238/2025/NĐ-CP quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Việc ban hành các chính sách nêu trên đặt ra yêu cầu đối với địa phương phải kịp thời cụ thể hóa mức học phí làm căn cứ thực hiện chính sách miễn, hỗ trợ học phí, đồng thời bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách và đặc điểm mạng lưới giáo dục của địa phương.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, hệ thống giáo dục của tỉnh có quy mô lớn, phân bố trên địa bàn rộng; điều kiện kinh tế - xã hội giữa khu vực phường và xã còn có sự khác biệt nhất định.

Toàn tỉnh hiện có 756 cơ sở giáo dục, với 393.827 trẻ em, học sinh và người học. Trong đó:

Giáo dục mầm non: 196 cơ sở, 48.298 trẻ;

Giáo dục tiểu học: 307 cơ sở, 159.361 học sinh;

Giáo dục trung học cơ sở: 172 cơ sở, 123.125 học sinh;

Giáo dục trung học phổ thông: 55 cơ sở, 53.404 học sinh;

Giáo dục thường xuyên: 02 cơ sở, 2.021 người học;

Cơ sở giáo dục dân lập, tư thục: 24 cơ sở, với 7.332 trẻ em, học sinh.

Trong bối cảnh đó, việc ban hành một chính sách thống nhất về mức học phí và mức hỗ trợ học phí trên phạm vi toàn tỉnh là cần thiết nhằm cụ thể hóa chính sách của Trung ương, bảo đảm quyền lợi của người học và tạo cơ sở pháp lý cho việc bố trí, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

Ngày 09/12/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Cà Mau từ năm học 2025 - 2026. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

2. Quá trình thực hiện

Thực hiện quy định về tổng kết việc thi hành pháp luật, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức tổng kết việc thi hành Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Cà Mau từ năm học 2025 - 2026 trên phạm vi toàn tỉnh.

Quá trình tổng kết được thực hiện trên cơ sở rà soát các quy định của Nghị quyết và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; tổng hợp tình hình tổ chức triển khai và kết quả thực hiện tại các cơ sở giáo dục; thu thập số liệu, thông tin, phản ánh, kiến nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương và cơ sở giáo dục có liên quan.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các xã, phường tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện các quy định về mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; việc xác định đối tượng, mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục; đồng thời tổng hợp tình hình bố trí, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách.

Nội dung cụ thể:

- Công tác chỉ đạo, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị quyết;
- Việc thực hiện mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập theo từng cấp học và địa bàn;
- Việc xác định đối tượng, mức hỗ trợ và thực hiện hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục;
- Số lượng đối tượng thụ hưởng, nhu cầu kinh phí, tình hình bố trí và thực hiện kinh phí;
- Sự phù hợp, tính khả thi và hiệu quả của các quy định trong Nghị quyết khi áp dụng vào thực tiễn;
- Những kết quả đạt được; những bất cập, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình tổ chức thực hiện;
- Những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn có liên quan đến đối tượng, mức học phí, mức hỗ trợ, phương thức thực hiện và nguồn kinh phí;
- Các đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế chính sách trong trường hợp cần thiết.

Việc tổng kết được thực hiện theo hướng **khách quan, toàn diện, có số liệu và thực tiễn làm căn cứ**, bảo đảm đánh giá cả kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế; đồng thời xem xét sự thống nhất, đồng bộ của Nghị quyết với các quy định hiện hành của Trung ương về chính sách học phí, miễn, giảm và hỗ trợ học phí.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1.1. Công tác chỉ đạo triển khai

Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 02111/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 triển khai Nghị quyết.

Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức phổ biến, hướng dẫn các cơ sở giáo dục triển khai các nội dung của Nghị quyết; tập trung vào đối tượng áp dụng, mức học phí, mức hỗ trợ học phí, thời gian thực hiện, việc xác định đối tượng và nhu cầu kinh phí.

Các cơ sở giáo dục đã tổ chức thông tin, tuyên truyền đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người học và cha mẹ học sinh; thực hiện công khai các chính sách liên quan đến học phí theo quy định.

1.2. Công tác phối hợp thực hiện

Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Tài chính, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan trong việc:

- Rà soát, xác định đối tượng thụ hưởng;
- Tổng hợp số lượng trẻ em, học sinh và người học;
- Xác định nhu cầu kinh phí;
- Lập, phân bổ và quản lý kinh phí thực hiện chính sách;
- Hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện hồ sơ, thủ tục;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Qua triển khai, công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị cơ bản bảo đảm yêu cầu, góp phần đưa Nghị quyết vào thực tiễn.

1.3. Công tác tuyên truyền, phổ biến

Nội dung Nghị quyết được phổ biến bằng các hình thức phù hợp như ban hành văn bản hướng dẫn, triển khai qua hệ thống quản lý ngành giáo dục, trang thông tin điện tử và thông tin trực tiếp đến cha mẹ học sinh, người học.

Qua tuyên truyền, nhận thức và trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong thực hiện chính sách được nâng lên; người dân từng bước nắm được đối tượng, phạm vi và mức hỗ trợ được hưởng.

1.4. Công tác kiểm tra, theo dõi

Ngành Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện theo dõi tình hình triển khai tại các cơ sở giáo dục; phối hợp xử lý những vấn đề phát sinh liên quan đến xác định đối tượng, tổng hợp số liệu và nhu cầu kinh phí.

Qua kiểm tra, theo dõi, chưa phát hiện trường hợp thực hiện không đúng quy định. Những khó khăn, vướng mắc phát sinh đã được hướng dẫn, xử lý hoặc tổng hợp để báo cáo cấp có thẩm quyền.

2. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật

2.1. Kết quả thực hiện quy định về mức học phí

Nghị quyết quy định mức học phí theo hình thức học trực tiếp đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên theo từng cấp học và địa bàn phường, xã.

Mức học phí trực tiếp được quy định từ 200.000 đồng đến 480.000 đồng/người học/tháng tùy cấp học, số buổi học và địa bàn.

Mức học phí theo hình thức trực tuyến bằng 70% mức học phí trực tiếp và được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

Tổng số tháng tính học phí không vượt quá 09 tháng/năm học.

Việc xác định mức học phí cơ bản được thực hiện thống nhất, đúng cấp học và địa bàn, tạo cơ sở để thực hiện chính sách miễn học phí theo quy định của Trung ương.

Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cơ bản được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

2.4. Đánh giá ưu điểm của Nghị quyết

Một là, Nghị quyết được ban hành kịp thời, có cơ sở pháp lý và phù hợp với chủ trương của Trung ương.

Nghị quyết đã cụ thể hóa Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ, tạo cơ sở pháp lý cho tỉnh triển khai chính sách từ năm học 2025 - 2026.

Hai là, nội dung quy định tương đối rõ ràng, thuận lợi trong tổ chức thực hiện. Mức học phí được xác định cụ thể theo cấp học, số buổi học và địa bàn phường, xã; mức học trực tuyến được xác định bằng tỷ lệ cụ thể; thời gian tính học phí tối đa được quy định rõ.

Ba là, bảo đảm quyền lợi của người học tại cơ sở dân lập, tư thực.

Việc hỗ trợ bằng mức học phí công lập cùng cấp học trên địa bàn góp phần bảo đảm công bằng trong thụ hưởng chính sách, không để người học ngoài công lập đứng ngoài chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

Bốn là, giảm gánh nặng tài chính cho người dân.

Chính sách miễn, hỗ trợ học phí góp phần trực tiếp giảm chi phí giáo dục của hộ gia đình, nhất là hộ có nhiều con đi học, gia đình có hoàn cảnh khó khăn và người dân tại khu vực còn nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội.

Năm là, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và cơ hội tiếp cận giáo dục.

Việc giảm chi phí học tập có tác động tích cực đến việc duy trì sĩ số, huy động trẻ em đến trường, hạn chế nguy cơ bỏ học vì khó khăn kinh tế và góp phần thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục.

Sáu là, tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước.

Mức học phí thống nhất là căn cứ để các cơ quan quản lý xác định kinh phí miễn, hỗ trợ học phí, lập dự toán ngân sách và kiểm tra việc thực hiện tại các cơ sở giáo dục.

2.5. Bất cập, hạn chế

Qua thời gian thực hiện, một số vấn đề cần tiếp tục được theo dõi, đánh giá:

Thứ nhất, việc phân loại mức học phí theo địa bàn phường và xã tương đối rõ về pháp lý nhưng trong thực tế có thể phát sinh chênh lệch mức hỗ trợ giữa người học cùng cấp học tại các địa bàn khác nhau.

Thứ hai, số lượng người học tại các cơ sở dân lập, tư thực có thể biến động trong năm học, gây khó khăn cho việc xác định chính xác nhu cầu kinh phí ngay từ thời điểm lập dự toán.

Thứ ba, việc tổng hợp, kiểm tra và đối chiếu dữ liệu người học giữa cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục và cơ quan tài chính cần nhiều thời gian nếu dữ liệu chưa được kết nối đồng bộ.

Thứ tư, thời gian thi hành Nghị quyết đến thời điểm tổng kết chưa dài, do đó một số tác động dài hạn đối với ngân sách, mạng lưới trường lớp, cơ sở giáo dục ngoài công lập và hành vi lựa chọn trường học của người dân chưa thể đánh giá đầy đủ.

Thứ năm, Nghị quyết quy định mức học phí theo hình thức học trực tiếp và trực tuyến đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên theo từng cấp học và địa bàn phường, xã, chưa quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

3.1. Khó khăn, vướng mắc

a) Về xác định và quản lý đối tượng

Số lượng trẻ em, học sinh có biến động do chuyển trường, chuyển nơi cư trú, nhập học hoặc thôi học; đặc biệt tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục, dẫn đến việc phải thường xuyên cập nhật, điều chỉnh danh sách đối tượng.

b) Về dự toán và bố trí kinh phí

Việc lập dự toán phải dựa trên số người học, cấp học, địa bàn và thời gian học thực tế. Khi số lượng người học biến động, nhu cầu kinh phí thực tế có thể khác so với dự toán ban đầu.

c) Về hồ sơ và thủ tục

Việc tổng hợp hồ sơ, xác nhận và đối chiếu thông tin của người học tại các cơ sở dân lập, tư thục có thể phát sinh khối lượng công việc lớn, nhất là đối với địa bàn có nhiều cơ sở ngoài công lập.

d) Về dữ liệu

Cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý đối tượng và kinh phí ở một số khâu chưa được liên thông đầy đủ; việc tổng hợp còn phụ thuộc vào báo cáo của từng đơn vị.

đ) Về công tác tuyên truyền

Một bộ phận cha mẹ học sinh có thể chưa phân biệt đầy đủ giữa mức học phí do cơ sở dân lập, tư thục quy định và mức hỗ trợ học phí từ ngân sách nhà nước; từ đó có thể phát sinh cách hiểu rằng Nhà nước hỗ trợ toàn bộ mức thu của cơ sở ngoài công lập.

3.2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

Chính sách được triển khai trong thời gian tương đối ngắn;

Quy mô người học lớn và phân bố trên địa bàn rộng;

Số lượng người học có biến động trong năm học;

Điều kiện kinh tế - xã hội giữa các địa bàn chưa đồng đều;

Việc thực hiện chính sách liên quan đồng thời đến lĩnh vực giáo dục, tài chính, ngân sách và quản lý dân cư nên cần sự phối hợp của nhiều cơ quan.

b) Nguyên nhân chủ quan

Công tác cập nhật, tổng hợp dữ liệu ở một số đơn vị chưa thật sự kịp thời;

Việc phối hợp giữa cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý ở một số thời điểm còn chưa đồng bộ;

Năng lực thực hiện thủ tục, quản lý hồ sơ tại các cơ sở giáo dục không đồng đều;

Ứng dụng công nghệ thông tin, liên thông cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện chính sách chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản lý.

4. Những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

Qua quá trình triển khai Nghị quyết, một số vấn đề mới cần tiếp tục nghiên cứu:

4.1. Yêu cầu quản lý chính sách bằng dữ liệu số

Việc thực hiện chính sách trên phạm vi toàn tỉnh với số lượng lớn người học đặt ra yêu cầu phải chuyển từ phương thức tổng hợp thủ công sang khai thác dữ liệu số để xác định đối tượng, mức hưởng và kinh phí.

Cần nghiên cứu kết nối cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục với các hệ thống dữ liệu liên quan nhằm hạn chế kê khai trùng lặp, giảm thủ tục và tăng khả năng kiểm tra.

4.2. Biến động người học giữa các cơ sở và địa bàn

Việc học sinh chuyển trường giữa cơ sở công lập và tư thục hoặc giữa địa bàn xã và phường có thể làm thay đổi mức hỗ trợ. Do đó, cần có cơ chế cập nhật kịp thời và xác định rõ mức hỗ trợ tương ứng với thời gian học thực tế.

4.3. Quan hệ giữa mức hỗ trợ và mức thu thực tế của cơ sở ngoài công lập

Mức hỗ trợ học phí tại cơ sở dân lập, tư thục được xác định theo mức học phí của cơ sở công lập cùng cấp học trên địa bàn, không đồng nghĩa với toàn bộ mức học phí do cơ sở dân lập, tư thục quy định.

Thực tiễn này đặt ra yêu cầu tăng cường công khai, tuyên truyền để người dân hiểu rõ phần ngân sách nhà nước hỗ trợ và phần chênh lệch người học phải chi trả (nếu có).

4.4. Yêu cầu dự báo nguồn lực ngân sách

Chính sách miễn, hỗ trợ học phí được thực hiện thường xuyên từ năm học 2025 - 2026 trở đi, vì vậy cần xây dựng phương pháp dự báo số lượng người học

và nhu cầu kinh phí trung hạn, hạn chế tình trạng phải điều chỉnh dự toán nhiều lần.

4.5 Xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND

Ngày 24/4/2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 735/QĐ-TTg phê duyệt phương án sắp xếp, tổ chức lại hệ thống Làng trẻ em SOS Việt Nam, trong đó bàn giao nguyên trạng các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống Làng trẻ em SOS Việt Nam về địa phương quản lý toàn diện, tại tỉnh Cà Mau có Trường Phổ thông Hermann Gmeiner Cà Mau và Trường Mầm non SOS. Sau khi tiếp nhận, các cơ sở giáo dục nêu trên được tổ chức lại theo mô hình cơ sở giáo dục công lập và phân cấp quản lý theo quy định. Theo đó, Trường Mầm non SOS trực thuộc Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, thực hiện phương án tự chủ là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (nhóm 3). Trường Phổ thông Hermann Gmeiner Cà Mau trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, đổi tên thành Trường phổ thông Tôn Đức Thắng, thực hiện phương án tự chủ là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

Do đó, cần xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND bổ sung quy định mức học phí theo hình thức học trực tiếp và trực tuyến đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập tự bảo đảm chi thường xuyên theo từng cấp học và địa bàn phường, xã.

5. Những nội dung khác (nếu có)

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Qua kết quả tổng kết việc thi hành Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND, Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất, kiến nghị một số nội dung sau:

1. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND

Qua thời gian thực hiện, các quy định của Nghị quyết cơ bản phù hợp với quy định của Trung ương và điều kiện thực tế của tỉnh.

Do đó, đề nghị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND, đồng thời thường xuyên theo dõi, đánh giá để kịp thời tham mưu điều chỉnh khi có thay đổi của pháp luật Trung ương hoặc phát sinh vấn đề từ thực tiễn.

Tuy nhiên, cần xây dựng sửa đổi, bổ sung Nghị quyết quy định mức học phí theo hình thức học trực tiếp và trực tuyến đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập tự bảo đảm chi thường xuyên theo từng cấp học và địa bàn phường, xã.

2. Hoàn thiện quy trình tổ chức thực hiện

Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa quy trình xác định đối tượng, lập danh sách, tổng hợp và thanh quyết toán kinh phí; bảo đảm giảm tối đa hồ sơ mà người học và cha mẹ học sinh phải cung cấp lại nếu thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước.

3. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong thực hiện chính sách

Xây dựng hoặc hoàn thiện hệ thống quản lý dữ liệu người học thuộc đối tượng miễn, hỗ trợ học phí; khai thác cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục để tự động hóa việc xác định cấp học, cơ sở giáo dục, địa bàn và mức hỗ trợ.

Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa ngành Giáo dục và Đào tạo, cơ quan tài chính, chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan.

4. Bảo đảm nguồn lực thực hiện

Hằng năm, trên cơ sở dữ liệu người học thực tế, ngành Giáo dục và Đào tạo phối hợp với cơ quan tài chính xác định đầy đủ nhu cầu kinh phí, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí ngân sách kịp thời.

Nghiên cứu xây dựng dự báo kinh phí trung hạn để chủ động cân đối ngân sách trong điều kiện số lượng người học và quy mô cơ sở giáo dục có thể biến động.

5. Tăng cường kiểm tra, giám sát

Tăng cường kiểm tra việc xác định đối tượng, lập danh sách, chi trả và quyết toán kinh phí; tập trung kiểm tra những đơn vị có số lượng đối tượng lớn hoặc có biến động nhiều.

Thực hiện đối chiếu dữ liệu nhằm phòng ngừa việc hỗ trợ trùng đối tượng, sai cấp học, sai địa bàn hoặc sai thời gian thực tế.

6. Tăng cường công khai, minh bạch

Các cơ sở giáo dục cần công khai đầy đủ mức học phí, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và phân chênh lệch người học phải đóng (nếu có).

Đối với cơ sở dân lập, tư thục, cần thông tin rõ mức hỗ trợ của Nhà nước không đồng nhất với mức học phí do cơ sở giáo dục quy định nhằm tránh phát sinh khiếu nại, phản ánh do hiểu chưa đầy đủ chính sách.

7. Tiếp tục rà soát, đánh giá chính sách

Sau khi kết thúc đầy đủ năm học 2025 - 2026 và các năm học tiếp theo, tiếp tục đánh giá:

- Số lượng và tỷ lệ người học được hưởng chính sách;
- Tổng kinh phí ngân sách thực hiện;
- Tác động đến tỷ lệ huy động học sinh ra lớp và duy trì sĩ số;
- Tác động đến cơ sở giáo dục dân lập, tư thục;
- Chênh lệch giữa dự toán và quyết toán;
- Khối lượng thủ tục hành chính;
- Mức độ hài lòng của người dân;
- Những bất cập liên quan đến phân loại địa bàn, mức học phí và mức hỗ trợ.

Trường hợp qua rà soát phát sinh bất cập hoặc pháp luật Trung ương có thay đổi, kịp thời tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết cho phù hợp.

8. Kiến nghị đối với các cơ quan có liên quan

Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh: Tiếp tục giám sát việc thực hiện Nghị quyết; xem xét sửa đổi, bổ sung khi có căn cứ pháp lý hoặc yêu cầu thực tiễn.

Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh: Tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành, địa phương phối hợp triển khai; bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện đầy đủ, kịp thời.

Đối với cơ quan tài chính: Phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo trong xác định nhu cầu, bố trí, hướng dẫn quản lý và quyết toán kinh phí.

Đối với UBND các xã, phường: Phối hợp rà soát, xác nhận, cập nhật đối tượng; tăng cường kiểm tra việc triển khai chính sách trên địa bàn.

Đối với các cơ sở giáo dục: Chịu trách nhiệm về tính chính xác của danh sách người học; thực hiện công khai chính sách; cập nhật kịp thời biến động người học và quản lý, sử dụng kinh phí đúng quy định.

Trên đây là nội dung Báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Cà Mau từ năm học 2025 - 2026./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (thay b/c);
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT; KHTC_{KH}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Tạ Thanh Vũ